



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

M C

M C

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5-7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-33

15/01/2007  
C. H. DE  
15/01/2007

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**  
Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Thanh Hiền	Chủ tịch
Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên
Bà Sứ Bùi Bảo Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên
Ông Phạm Việt Minh	Ủy viên
Ông Trần Sỹ Tiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Quang	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Anh Đức	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tuấn Phan	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2015)
Ông Trần Trọng Dũng	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thậm chí và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Anh Đức  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2015

500

G T

MA HỮU

ITT

NAI

TP

Số: 0122 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2015, từ trang 03 đến trang 33. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 32, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu từ báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 chưa được soát xét.



**Kiều Thị Lan Anh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0036-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 15 tháng 8 năm 2015  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Trần Quang Huy**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1675-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ B 01a-DNPNT  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150+190)	<b>100</b>		<b>858.323.147.613</b>	<b>929.110.366.251</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>87.085.342.048</b>	<b>154.727.820.786</b>
1. Tiền	111		62.085.342.048	44.727.820.786
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	110.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>483.762.464.360</b>	<b>452.739.879.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		486.738.533.218	460.193.032.549
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.976.068.858)	(7.453.153.549)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>102.004.929.088</b>	<b>124.195.868.181</b>
1. Phải thu khách hàng	131		140.534.406.760	155.938.096.994
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	73.020.607.703	86.131.657.776
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	67.513.799.057	69.806.439.218
2. Trả trước cho người bán	132		1.406.949.011	1.503.085.807
3. Các khoản phải thu khác	135		7.862.396.217	6.343.910.540
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(47.798.822.900)	(39.589.225.160)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.391.958.125</b>	<b>10.765.687.076</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	9.391.958.125	10.739.937.869
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		8.519.203.759	10.084.462.832
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		872.754.366	655.475.037
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	25.749.207
<b>V. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>11</b>	<b>176.078.453.992</b>	<b>186.681.111.208</b>
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		109.121.649.369	123.578.176.130
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		66.956.804.623	63.102.935.078
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>172.211.901.774</b>	<b>111.542.673.911</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.081.014.090</b>	<b>7.204.745.590</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		7.081.014.090	7.204.745.590
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		6.000.000.000	6.000.000.000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		1.081.014.090	1.204.745.590
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.548.289.141</b>	<b>5.683.449.997</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.395.488.285	5.499.869.186
<i>Nguyên giá</i>	222		16.036.034.553	15.913.354.969
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.640.546.268)	(10.413.485.783)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	152.800.856	183.580.811
<i>Nguyên giá</i>	228		1.310.350.000	1.310.350.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.157.549.144)	(1.126.769.189)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>159.990.000.000</b>	<b>97.990.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		159.990.000.000	97.990.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>592.598.543</b>	<b>664.478.324</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		592.598.543	664.478.324
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.030.535.049.387</b>	<b>1.040.653.040.162</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015


**MẪU SỐ B 01a-DNPNT**

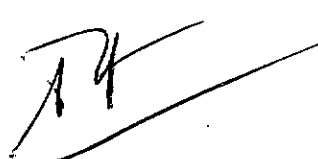
Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
				(Phân loại lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>482.599.290.123</b>	<b>503.952.219.222</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>479.969.007.050</b>	<b>499.005.380.600</b>
1. Phải trả cho người bán	312		132.177.025.425	142.461.758.432
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	14	130.748.696.783	141.517.076.642
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		1.428.328.642	944.681.790
2. Người mua trả tiền trước	313		5.349.002.585	3.742.372.213
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	6.493.467.199	9.083.951.850
4. Phải trả người lao động	315		5.051.122.127	5.754.619.346
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	1.543.657.755	1.547.800.222
6. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	16	9.062.502.949	9.722.136.820
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(1.755.326.682)	-
8. Dự phòng nghiệp vụ	329	17	322.047.555.692	326.692.741.717
8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		188.450.808.966	199.848.509.638
8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		103.195.375.615	97.236.634.369
8.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		30.401.371.111	29.607.597.710
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.630.283.073</b>	<b>4.946.838.622</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.000.000	101.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.629.283.073	4.845.838.622
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>547.935.759.264</b>	<b>536.700.820.940</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>547.935.759.264</b>	<b>536.700.820.940</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		10.141.059.363	9.579.312.447
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.794.699.901	27.121.508.493
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.030.535.049.387</b>	<b>1.040.653.040.162</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	30/6/2015	31/12/2014
1. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD		970.066,04
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR		80,37

  
Nguyễn Hoàng Mai  
Người lập biểu

  
Trần Việt Quân  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Anh Đức  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015*

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**  
Đơn vị: VND

**PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	90.123.262.993	82.743.214.384
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	23.775.267.443	30.761.976.822
3. Thu nhập khác	13	19.512.691	135.736.550
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	72.189.457.131	73.940.916.640
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	10.972.536.437	10.691.004.434
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	16.328.410.650	12.459.010.248
7. Chi phí khác	24	37.354.703	244.035.865
<b>8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	<b>50</b>	<b>14.390.284.206</b>	<b>16.305.960.569</b>
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.155.345.882	3.492.013.632
<b>10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50-51)	<b>60</b>	<b>11.234.938.324</b>	<b>12.813.946.937</b>

*Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**  
Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>178.662.781.444</b>	<b>213.457.780.881</b>
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		151.447.569.377	172.281.048.440
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		15.817.511.395	17.882.205.521
-(Giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(11.397.700.672)	(23.294.526.920)
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>20</b>	<b>94.882.723.925</b>	<b>140.288.176.571</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		80.426.197.164	109.350.022.473
-(Giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(14.456.526.761)	(30.938.154.098)
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)</b>	<b>03</b>		<b>83.780.057.519</b>	<b>73.169.604.310</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)</b>	<b>04</b>		<b>6.343.205.474</b>	<b>9.573.610.074</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		6.329.089.078	8.573.327.364
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		14.116.396	1.000.282.710
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>	<b>10</b>		<b>90.123.262.993</b>	<b>82.743.214.384</b>
<b>6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)</b>	<b>11</b>		<b>31.989.392.279</b>	<b>42.816.242.453</b>
- Tổng chi bồi thường	11.1		31.989.392.279	42.816.242.453
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		-	-
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>		<b>8.483.680.406</b>	<b>20.176.917.704</b>
<b>8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>13</b>		<b>5.958.741.246</b>	<b>4.423.939.862</b>
<b>9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>3.853.869.545</b>	<b>(6.871.750.756)</b>
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)</b>	<b>15</b>	<b>21</b>	<b>25.610.583.574</b>	<b>33.935.015.367</b>
<b>11. Tăng dự phòng dao động lớn</b>	<b>16</b>		<b>793.773.401</b>	<b>808.132.515</b>
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)</b>	<b>17</b>	<b>22</b>	<b>45.785.100.156</b>	<b>39.197.768.758</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		10.142.487.907	5.971.355.001
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		35.642.612.249	33.226.413.757

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DNPNT  
Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		72.189.457.131	73.940.916.640
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		17.933.805.862	8.802.297.744
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	23	23.775.267.443	30.761.976.822
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	24	10.972.536.437	10.691.004.434
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		12.802.731.006	20.070.972.388
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	16.328.410.650	12.459.010.248
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		14.408.126.218	16.414.259.884
20. Thu nhập khác	31		19.512.691	135.736.550
21. Chi phí khác	32		37.354.703	244.035.865
22. (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(17.842.012)	(108.299.315)
23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.390.284.206	16.305.960.569
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.155.345.882	3.492.013.632
25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		11.234.938.324	12.813.946.937




Nguyễn Hoàng Mai  
Người lập biểu



Trần Việt Quân  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Anh Đức  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

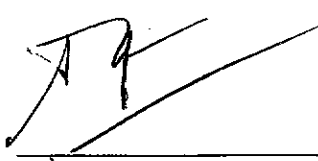
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 03a-DNPNT**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	211.152.606.951	459.353.881.916
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(186.345.117.353)	(348.693.150.472)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.598.634.856)	(12.275.121.473)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.993.372.627)	(4.198.815.446)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.339.213.313	1.345.562.848
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(19.167.900.246)	(20.740.401.029)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(8.613.204.818)</b>	<b>74.791.956.344</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(235.304.099)	(1.257.156.909)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(399.000.000.000)	(378.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	316.000.000.000	240.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.206.030.179	26.130.765.801
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(59.029.273.920)</b>	<b>(113.126.391.108)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(21.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(21.500.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(67.642.478.738)</b>	<b>(59.834.434.764)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>154.727.820.786</b>	<b>182.337.903.315</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>87.085.342.048</b>	<b>122.503.468.551</b>

  
 Nguyễn Hoàng Mai  
 Người lập biểu

  
 Trần Việt Quân  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Anh Đức  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 500 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 270 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 248 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

**Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

**Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và chín (9) chi nhánh tại Hà Nội, Ninh Bình, Hải Phòng, Hải Dương, Đà Nẵng, Nghệ An, Gia Lai và thành phố Hồ Chí Minh.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 17 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 194/2014/TT-BTC (“Thông tư 194”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Thông tư 194 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015 và áp dụng cho năm tài chính 2015 trở đi.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng các Thông tư nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

Tại thời điểm 30/6/2015, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tài sản tài chính của Công ty do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

***Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)***

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, và công nợ tài chính khác.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2015</b> <b>đến ngày 30/6/2015</b> (Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và chi phí thiết kế website. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận như khoản nợ phải trả của Công ty cho khách hàng khi Công ty đã nhận tiền của khách hàng nhưng dịch vụ chưa được cung cấp cho khách hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Dự phòng nghiệp vụ**

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

*Dự phòng phí chưa được hưởng:* Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã thông báo, được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất chưa được thông báo, dự phòng bồi thường được trích lập bằng 3% phí giữ lại theo Công văn số 1121/BTC-QLBH ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính đồng ý phương pháp trích lập dự phòng.

*Dự phòng dao động lớn:* Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1121/BTC-QLBH ngày 22 tháng 01 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

**Ký quỹ bảo hiểm**

Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

***Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 125. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm. Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên được hạch toán khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực.

***Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm***

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty.

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục "Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm". Cuối kỳ kế toán, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

***Đối với các hoạt động khác***

Doanh thu từ các hoạt động khác của Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

**Ghi nhận chi phí**

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục "Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc" và "Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm". Cuối kỳ kế toán, Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	(Phân loại lại) VND
Tiền mặt	562.562.858	655.895.310
Tiền gửi ngân hàng	61.496.465.998	43.845.925.476
Tiền đang chuyển	26.313.192	226.000.000
Các khoản tương đương tiền (i)	25.000.000.000	110.000.000.000
	<b>87.085.342.048</b>	<b>154.727.820.786</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dư phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	486.738.533.218	483.762.464.360	(2.976.068.858)	452.739.879.000
a) Chứng khoán kinh doanh	41.738.533.218	38.762.464.360	(2.976.068.858)	28.739.879.000
- Tổng giá trị cổ phiếu	41.738.533.218	38.762.464.360	(2.976.068.858)	28.739.879.000
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	445.000.000.000	445.000.000.000	-	424.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	445.000.000.000	445.000.000.000	-	424.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	159.990.000.000	159.990.000.000	-	97.990.000.000
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	158.000.000.000	158.000.000.000	-	96.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (ii)	122.000.000.000	122.000.000.000	-	60.000.000.000
- Trái phiếu (iii)	36.000.000.000	36.000.000.000	-	36.000.000.000
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.990.000.000	1.990.000.000	-	1.990.000.000
- Đầu tư vào đơn vị khác (iv)	1.990.000.000	1.990.000.000	-	1.990.000.000

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

(ii) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

(iii) Bao gồm khoản đầu tư vào trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Trái phiếu trị giá 36.000.000.000 VND, thời hạn 10 năm. Trái phiếu đáo hạn tại ngày 06 tháng 6 năm 2017, lãi suất danh nghĩa 9,2%/năm.

(iv) Thể hiện khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô (tỷ lệ sở hữu tương đương 3,3% vốn điều lệ) với thời hạn nắm giữ trên 01 năm.

Tại thời điểm 30/6/2015, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Phải thu phí bảo hiểm gốc</b>	<b>44.356.660.118</b>	<b>51.648.248.924</b>
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	11.005.216.053	13.240.043.031
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	33.351.444.065	38.408.205.893
+ Công ty bảo hiểm PVI	31.266.713.982	31.204.839.271
+ Công ty bảo hiểm khác	2.084.730.083	7.203.366.622
<b>b) Phải thu phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>15.507.414.293</b>	<b>15.862.560.257</b>
<b>c) Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>11.810.869.767</b>	<b>16.812.478.421</b>
<b>d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm</b>	<b>805.808.054</b>	<b>1.476.688.552</b>
<b>e) Phải thu khác</b>	<b>539.855.471</b>	<b>331.681.622</b>
	<b>73.020.607.703</b>	<b>86.131.657.776</b>

**8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chưa đến ngày đáo hạn	19.636.311.112	20.268.931.944
Phải thu lãi trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	220.800.000	1.876.800.000
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	47.655.761.788	47.655.761.788
Phải thu khác	926.157	4.945.486
	<b>67.513.799.057</b>	<b>69.806.439.218</b>

(i) Thể hiện khoản gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tổng mệnh giá ban đầu của số trái phiếu này là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa thu hồi được khoản tiền gốc và lãi với giá trị lần lượt là 31.244.277.636 VND và 16.411.484.152 VND. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng (Thuyết minh số 9).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

**9. NỢ XẤU**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	68.476.683.287	47.798.822.900	67.754.648.389	39.589.225.160
+ Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	47.655.761.788	33.272.401.590	47.655.761.788	25.708.865.058
+ Các đối tượng khác	20.820.921.499	14.526.421.310	20.098.886.601	13.880.360.102

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 30/6/2015:

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	341.222.814	923.859.680	544.075.831	4.686.174.788	6.495.333.113
Phí nhận tái bảo hiểm	3.939.698.799	3.712.773.158	1.427.945.489	493.598.276	9.574.015.722
Nợ khác	203.263.620	418.046.612	122.081.350	4.008.181.082	4.751.572.664
<b>Cộng</b>	<b>4.484.185.233</b>	<b>5.054.679.450</b>	<b>2.094.102.670</b>	<b>9.187.954.146</b>	<b>20.820.921.499</b>

Theo Thông tư 200, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại thời điểm 30/6/2015, Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	2014 VND
<b>1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</b>		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	10.084.462.832	-
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	4.246.523.130	10.084.462.832
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(5.811.782.203)	-
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	<u>8.519.203.759</u>	<u>10.084.462.832</u>
<b>2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	872.754.366	655.475.037
	<u>9.391.958.125</u>	<u>10.739.937.869</u>

**11. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM**

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	109.121.649.369	123.578.176.130
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	66.956.804.623	63.102.935.078
	<u>176.078.453.992</u>	<u>186.681.111.208</u>

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	6.139.077.778	9.774.277.191	15.913.354.969
Mua sắm mới	-	154.861.402	154.861.402
Thanh lý, nhượng bán	-	(32.181.818)	(32.181.818)
Tại ngày 30/6/2015	<u>6.139.077.778</u>	<u>9.896.956.775</u>	<u>16.036.034.553</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	3.437.917.681	6.975.568.102	10.413.485.783
Trích khấu hao	380.727.535	878.514.768	1.259.242.303
Thanh lý, nhượng bán	-	(32.181.818)	(32.181.818)
Tại ngày 30/6/2015	<u>3.818.645.216</u>	<u>7.821.901.052</u>	<u>11.640.546.268</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2015	<u>2.320.432.562</u>	<u>2.075.055.723</u>	<u>4.395.488.285</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.701.160.097</u>	<u>2.798.709.089</u>	<u>5.499.869.186</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	1.310.350.000	1.310.350.000
Tăng do mua sắm	-	-
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>1.310.350.000</b>	<b>1.310.350.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	1.126.769.189	1.126.769.189
Trích khấu hao	30.779.955	30.779.955
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>1.157.549.144</b>	<b>1.157.549.144</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 30/6/2015	152.800.856	152.800.856
Tại ngày 31/12/2014	183.580.811	183.580.811

**14. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a) Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>92.633.798.744</b>	<b>92.668.059.728</b>
Công ty Willis Singapore	33.022.191.304	32.352.994.183
Công ty Willis London	35.225.716.291	41.314.734.061
Các khoản phải trả khách hàng khác	24.385.891.149	19.000.331.484
<b>b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm</b>	<b>2.448.296.341</b>	<b>8.236.501.326</b>
<b>c) Phải trả bồi thường bảo hiểm</b>	<b>27.356.971.233</b>	<b>32.673.571.909</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	18.623.754.341	23.445.244.195
Các khoản phải trả khách hàng khác	8.733.216.892	9.228.327.714
<b>d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm</b>	<b>1.995.614.954</b>	<b>2.046.018.429</b>
<b>e) Phải trả khác</b>	<b>6.314.015.511</b>	<b>5.892.925.250</b>
	<b>130.748.696.783</b>	<b>141.517.076.642</b>
<b>Phải trả là các bên liên quan</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	18.623.754.341	23.445.244.195
Các khoản phải trả đơn vị khác	112.124.942.442	118.071.832.447
	<b>130.748.696.783</b>	<b>141.517.076.642</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	4.528.155.210	9.606.338.993	9.323.286.829	4.811.207.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.390.751.511	3.155.345.882	5.993.372.627	1.552.724.766
Thuế thu nhập cá nhân	92.444.828	414.391.810	456.367.928	50.468.710
Thuế nhà thầu nước ngoài	720.935	48.204.922	48.260.043	665.814
Thuế, phí phải nộp khác	71.879.366	47.436.660	40.915.491	78.400.535
	<b>9.083.951.850</b>	<b>13.271.718.267</b>	<b>15.862.202.918</b>	<b>6.493.467.199</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	2014
	VND	VND
<b>1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng</b>		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	9.722.136.820	-
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	2.869.435.891	9.722.136.820
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(3.529.069.762)	-
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	<b>9.062.502.949</b>	<b>9.722.136.820</b>
<b>2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	VND	VND
Phải trả bảo hiểm xã hội	1.679.630	6.639.541
Phải trả bảo hiểm y tế	2.387.469	534.298
Phải trả kinh phí công đoàn	186.180.583	650.709.001
Phải trả các cổ đông	522.826.847	522.826.847
Phải trả khác	830.583.226	367.090.535
	<b>1.543.657.755</b>	<b>1.547.800.222</b>

**17. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Tại ngày 30/6/2015		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
<b>1. Dự phòng bồi thường</b>	<b>103.195.375.615</b>	<b>(66.956.804.623)</b>	<b>36.238.570.992</b>
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	91.669.662.714	(60.265.861.887)	31.403.800.827
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	11.525.712.901	(6.690.942.736)	4.834.770.165
<b>2. Dự phòng phí chưa được hưởng</b>	<b>188.450.808.966</b>	<b>(109.121.649.369)</b>	<b>79.329.159.597</b>
<b>Cộng</b>	<b>291.646.184.581</b>	<b>(176.078.453.992)</b>	<b>115.567.730.589</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (Tiếp theo)**

Đơn vị: VND

Trong đó chi tiết:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
<b>1. Dự phòng bồi thường</b>			
Số dư đầu kỳ	97.236.634.369	(63.102.935.078)	34.133.699.291
Số trích lập trong kỳ	5.958.741.246	(3.853.869.545)	2.104.871.701
Số dư cuối kỳ	103.195.375.615	(66.956.804.623)	36.238.570.992

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
<b>2. Dự phòng phí chưa được hưởng</b>			
Số dư đầu kỳ	199.848.509.638	(123.578.176.130)	76.270.333.508
Số (hoàn nhập)/trích lập trong kỳ	(11.397.700.672)	14.456.526.761	3.058.826.089
Số dư cuối kỳ	188.450.808.966	(109.121.649.369)	79.329.159.597

**3. Dự phòng dao động lớn**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	29.607.597.710	28.055.654.003
Số trích lập thêm trong kỳ	793.773.401	808.132.515
Số dư cuối kỳ	30.401.371.111	28.863.786.518

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	500.000.000.000	8.082.261.173	22.928.028.291	531.010.289.464
Lợi nhuận trong năm	-	-	29.941.025.476	29.941.025.476
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	1.497.051.274	(1.497.051.274)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.378.028.291)	(1.378.028.291)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014	-	-	(1.372.465.709)	(1.372.465.709)
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	(21.500.000.000)	(21.500.000.000)
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	500.000.000.000	9.579.312.447	27.121.508.493	536.700.820.940
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	11.234.938.324	11.234.938.324
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	561.746.916	(561.746.916)	-
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	500.000.000.000	10.141.059.363	37.794.699.901	547.935.759.264



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007.

**Chi tiết nguồn vốn kinh doanh:**

	Vốn góp tại ngày 30/6/2015	
	VND	Tỷ lệ
<b>Cổ đông sáng lập</b>		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	100.000.000.000	20%
Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội	56.100.000.000	11%
Công ty Cổ phần Nam Việt	40.000.000.000	8%
<b>Cổ đông khác</b>	<b>303.900.000.000</b>	<b>61%</b>
	<b>500.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Ngày 19 tháng 5 năm 2015, Bộ Tài chính đã có Công văn số 6454/BTC-QLBH chấp thuận về nguyên tắc việc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam chuyển nhượng 20% phần vốn góp của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

Ngày 17 tháng 7 năm 2015, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam đã thoái toàn bộ số vốn góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không cho các nhà đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

**a) Doanh thu**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Phí bảo hiểm gốc</b>	<b>151.558.058.508</b>	<b>173.945.911.492</b>
Bảo hiểm hàng không	57.328.745.261	79.067.690.911
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	3.079.728.245	3.634.880.546
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	7.270.781.418	14.166.594.230
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	6.241.260.842	6.238.378.065
Bảo hiểm xe cơ giới	67.847.989.177	44.494.153.783
Bảo hiểm cháy, nổ	5.919.067.607	18.463.741.415
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1.241.504.865	880.408.313
Bảo hiểm trách nhiệm chung	2.610.186.378	6.854.067.594
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	18.794.715	145.996.635
<b>Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc</b>	<b>(110.489.131)</b>	<b>(1.664.863.052)</b>
<b>Phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>15.822.725.689</b>	<b>18.216.067.736</b>
Bảo hiểm hàng không	4.443.912.260	330.164.857
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	-	-
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	7.178.460.337	10.730.908.790
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	108.419.757	847.973.402
Bảo hiểm xe cơ giới	-	32.111.750
Bảo hiểm cháy, nổ	2.703.967.753	4.534.513.830
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1.356.922.724	1.119.049.976
Bảo hiểm trách nhiệm chung	23.546.007	494.884.552
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	7.496.851	126.460.579
<b>Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(5.214.294)</b>	<b>(333.862.215)</b>
<b>Giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>11.397.700.672</b>	<b>23.294.526.920</b>
	<b>178.662.781.444</b>	<b>213.457.780.881</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	52.348.597.666	62.135.121.892

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Tổng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>80.426.197.164</b>	<b>109.350.022.473</b>
Bảo hiểm hàng không	59.760.770.596	72.315.361.068
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	209.573.136	98.099.278
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	6.701.600.232	10.331.219.039
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	3.603.137.935	3.624.681.524
Bảo hiểm xe cơ giới	830.707.761	379.135.290
Bảo hiểm cháy, nổ	7.217.594.620	19.407.667.492
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1.074.755.299	683.140.309
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1.004.868.382	2.265.609.406
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	23.189.203	245.109.067
<b>Giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14.456.526.761</b>	<b>30.938.154.098</b>
	<b>94.882.723.925</b>	<b>140.288.176.571</b>

**21. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Tổng chi bồi thường</b>	<b>31.752.810.427</b>	<b>42.513.825.688</b>
Bảo hiểm hàng không	6.052.999.138	17.283.509.461
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	1.430.112.203	2.176.932.024
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	3.127.518.273	8.238.648.300
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	1.677.673.274	2.056.178.842
Bảo hiểm xe cơ giới	18.008.867.442	11.999.389.989
Bảo hiểm cháy, nổ	332.282.707	644.845.668
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	724.710.736	90.000.000
Bảo hiểm trách nhiệm chung	384.057.952	-
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	14.588.702	24.321.404
<b>Chi phí giám định tổn thất</b>	<b>236.581.852</b>	<b>302.416.765</b>
<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(8.483.680.406)</b>	<b>(20.176.917.704)</b>
<b>Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>5.958.741.246</b>	<b>4.423.939.862</b>
<b>(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(3.853.869.545)</b>	<b>6.871.750.756</b>
	<b>25.610.583.574</b>	<b>33.935.015.367</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	10.142.487.907	5.971.354.999
Chi đòi người thứ 3	34.322.132	-
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	29.386.363	(17.670)
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	50.691.435	4.381.687.622
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	405.547.583	488.177.935
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	21.433.560.889	15.928.802.003
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác BH	13.553.123.716	12.279.877.807
Chi khác	135.980.131	147.886.062
	<b>45.785.100.156</b>	<b>39.197.768.758</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.261.409.347	18.864.003.301
Lãi đầu tư trái phiếu	2.316.339.796	5.991.339.796
Lãi kinh doanh chứng khoán	239.320.342	5.138.046.589
Cổ tức, lợi nhuận được chia	693.468.600	688.438.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	264.729.358	72.385.727
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	7.763.409
	<b>23.775.267.443</b>	<b>30.761.976.822</b>

**24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	594.122.576	564.893.046
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	3.086.451.841	9.866.937.995
Chi phí đầu tư chứng khoán	6.186.051.821	252.922.970
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.105.910.199	6.250.423
	<b>10.972.536.437</b>	<b>10.691.004.434</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	9.521.729.121	5.581.599.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.945.245.492	4.294.112.648
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	646.061.208	751.720.191
Chi phí khấu hao tài sản cố định	998.715.179	921.655.595
Chi phí dụng cụ văn phòng	71.193.821	204.326.199
Chi phí vật liệu quản lý	143.014.694	391.899.037
Thuế, phí và lệ phí	407.000.869	(582.066.597)
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	543.629.084	851.533.495
Chi phí quản lý khác	51.821.182	44.230.000
	<b>16.328.410.650</b>	<b>12.459.010.248</b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	14.390.284.206	16.305.960.569
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(693.468.600)	(688.438.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	645.665.678	255.266.667
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>14.342.481.284</b>	<b>15.872.789.236</b>
Thuế suất thông thường	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.155.345.882</b>	<b>3.492.013.632</b>

**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh bảo hiểm và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động bảo hiểm. Hoạt động đầu tư này là một khâu trong chu kỳ kinh doanh bảo hiểm, các khoản đầu tư vào lĩnh vực khác kinh doanh khác là không đáng kể. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong cùng một khu vực địa lý cũng như cùng phạm vi môi trường kinh tế. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015	Từ 01/7/2013 đến 30/6/2014
	VND	VND
<b>I. Biên khả năng thanh toán (I=(1)-(2)-(3)-(4))</b>	<b>470.725.879.867</b>	<b>428.834.808.596</b>
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	547.935.759.264	520.946.208.110
2. Trừ các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán	-	-
3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	28.297.277.681	43.689.964.472
4. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	48.912.601.716	48.421.435.042
<b>II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)]</b>	<b>48.433.908.694</b>	<b>49.920.816.586</b>
(a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	40.305.007.420	40.700.954.755
(b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	48.433.908.694	49.920.816.586
<b>III. So sánh (I) và (II)</b>		
Theo số tuyệt đối	<b>422.291.971.173</b>	<b>378.913.992.011</b>
Theo tỷ lệ phần trăm	<b>972%</b>	<b>859%</b>

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.085.342.048	87.085.342.048	154.727.820.786	154.727.820.786
Phải thu khách hàng và phải thu khác	97.098.170.063	97.098.170.063	121.116.365.728	121.116.365.728
Đầu tư ngắn hạn	483.762.464.360	483.762.464.360	452.739.879.000	452.739.879.000
Đầu tư dài hạn	159.990.000.000	159.990.000.000	97.990.000.000	97.990.000.000
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	66.956.804.623	66.956.804.623	63.102.935.078	63.102.935.078
Tài sản tài chính khác	1.081.014.090	1.081.014.090	1.204.745.590	1.204.745.590
<b>Tổng cộng</b>	<b>895.973.795.184</b>	<b>895.973.795.184</b>	<b>890.881.746.182</b>	<b>890.881.746.182</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	133.716.118.400	133.716.118.400	144.103.919.113	144.103.919.113
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	103.195.375.615	103.195.375.615	97.236.634.369	97.236.634.369
<b>Tổng cộng</b>	<b>236.911.494.015</b>	<b>236.911.494.015</b>	<b>241.340.553.482</b>	<b>241.340.553.482</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

**Rủi ro bảo hiểm**

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Mức độ thường xuyên và tính chất nghiêm trọng của bồi thường bảo hiểm bị tác động bởi nhiều yếu tố. Yếu tố đáng chú ý nhất là mức độ gia tăng số trường hợp tranh chấp liên quan đến tòa án vẫn chưa được giải quyết hoặc xử lý chậm trong thời gian dài. Lạm phát ước tính cũng là nhân tố đáng kể do giải quyết những trường hợp này thường kéo dài qua nhiều năm. Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược cung cấp bảo hiểm, xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	67.789.814.532	73.166.771.198	65.260.390.222	77.594.615.076
Euro (EUR)	230.910.822	215.140.498	163.988.447	965.235.238
Đồng tiền khác	357.959.194	613.944.178	527.225	279.648.493

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng/giảm tương ứng 252.942.431 VND. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, theo đó, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 44.017.054.634 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 39.589.225.160 VND).

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>30/6/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.094.717.048	-	-	87.094.717.048
Phải thu khách hàng và phải thu khác	97.098.170.063	-	-	97.098.170.063
Đầu tư ngắn hạn	500.221.722.694	-	-	500.221.722.694
Đầu tư dài hạn	-	183.732.930.537	-	183.732.930.537
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	66.956.804.623	-	-	66.956.804.623
Tài sản tài chính khác	-	1.081.014.090	-	1.081.014.090
<b>Tổng cộng</b>	<b>751.371.414.428</b>	<b>184.813.944.627</b>	<b>-</b>	<b>936.185.359.055</b>
<b>30/6/2015</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	133.715.118.400	1.000.000	-	133.716.118.400
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	103.195.375.615	-	-	103.195.375.615
<b>Tổng cộng</b>	<b>236.910.494.015</b>	<b>1.000.000</b>	<b>-</b>	<b>236.911.494.015</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>514.460.920.413</b>	<b>184.812.944.627</b>	<b>-</b>	<b>699.273.865.040</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	155.608.688.842	-	-	155.608.688.842
Phải thu khách hàng và phải thu khác	121.116.365.728	-	-	121.116.365.728
Đầu tư ngắn hạn	469.417.769.278	-	-	469.417.769.278
Đầu tư dài hạn	-	116.413.920.333	-	116.413.920.333
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	63.102.935.078	-	-	63.102.935.078
Tài sản tài chính khác	-	1.204.745.590	-	1.204.745.590
<b>Tổng cộng</b>	<b>809.245.758.926</b>	<b>117.618.665.923</b>	<b>-</b>	<b>926.864.424.849</b>
<b>31/12/2014</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	144.103.919.113	-	-	144.103.919.113
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	97.236.634.369	-	-	97.236.634.369
<b>Tổng cộng</b>	<b>241.340.553.482</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>241.340.553.482</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>567.905.205.444</b>	<b>117.618.665.923</b>	<b>-</b>	<b>685.523.871.367</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Nam Việt	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	Chủ sở hữu

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u> <u>đến 30/6/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam</b>		
Doanh thu bảo hiểm gốc	52.348.597.666	62.135.121.892
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	6.052.999.138	7.021.691.461
VNI chi trả cổ tức	-	4.300.000.000
<b>Công ty Cổ phần Nam Việt</b>		
Công ty chi trả cổ tức	-	1.720.000.000
<b>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội</b>		
Công ty chi trả cổ tức	-	3.272.300.000

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động:*

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam</b>		
Phải thu phí bảo hiểm gốc	-	2.307.016.149
Phải trả các khoản chi phí bảo hiểm gốc	18.623.754.341	23.445.244.195

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ là 1.061.565.000 VND (kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là: 821.495.516 VND).

**31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 17 tháng 7 năm 2015, Tổng Công ty Hàng không Việt nam đã thoái toàn bộ số vốn góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không cho các nhà đầu tư.

Ngày 11 tháng 8 năm 2015, Bộ Tài chính đã có Công văn số 10950/BTC-QLBH chấp thuận về nguyên tắc việc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội chuyển nhượng 5.610.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu từ báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 chưa được soát xét.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này do ảnh hưởng của việc áp dụng của Thông tư 200, cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Tại ngày 31/12/2014		
		Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>989.110.366.251</b>	<b>(60.000.000.000)</b>	<b>929.110.366.251</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	262.727.820.786	(108.000.000.000)	154.727.820.786
2. Các khoản tương đương tiền	112	218.000.000.000	(108.000.000.000)	110.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	404.739.879.000	48.000.000.000	452.739.879.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	412.193.032.549	48.000.000.000	460.193.032.549
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	122.413.505.402	1.782.362.779	124.195.868.181
3. Các khoản phải thu khác	135	4.561.547.761	1.782.362.779	6.343.910.540
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	12.548.049.855	(1.782.362.779)	10.765.687.076
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.782.362.779	(1.782.362.779)	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>51.542.673.911</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>111.542.673.911</b>
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	37.990.000.000	60.000.000.000	97.990.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	37.990.000.000	60.000.000.000	97.990.000.000

*mai*

Nguyễn Hoàng Mai  
Người lập biểu

*Trần Việt Quân*  
Trần Việt Quân  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Anh Đức*  
Nguyễn Anh Đức  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2015

